**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 8**

**- Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra giữa học kì 2 (từ tuần 19 đến tuần học thứ 25).

**- Thời gian làm bài:** 90 phút.

**- Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ : 50% trắc nghiệm, 50% tự luận).

**- Cấu trúc:** Mức độ đề:40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.

**- Phần trắc nghiệm:** 5,0 điểm, gồm 20 câu hỏi (13 câu ở mức độ nhận biết(3,25 điểm), 7 câu mức độ thông hiểu(1,75 điểm)).

**- Phần tự luận:** 5,0 điểm (Biết: 0,75 điểm; Thông hiểu: 1,25 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm)

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 8**

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| 1. Tốc độ phản ứng và chất xúc tác (1 tiết) |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  | 0,25 |
| 2. Acid ( 4 tiết) |  | 2 | 2(1,25) | 1 |  |  |  |  |  |  | 2,0 |
| 3.Base. Thang pH (1 tiết) |  |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  | 0,25 |
| 4. Dòng điện, nguồn điện  (2 tiết) |  | 2 |  | 1 |  |  |  |  |  | 3 | 0,75 |
| 5. Mạch điện đơn (2 tiết) |  | 1 |  | 1 |  |  |  |  |  | 2 | 0,5 |
| 6. Tác dụng của dòng điện(2 tiết) |  |  |  |  | 1(0,75) |  | 1(0,5) |  | 2 |  | 1,25 |
| 7. Hệ nội tiết ở người(2 tiết) | 1(0,75) |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 0,75 |
| 8. Da và điều hoà thân nhiệt ở người(2 tiết) |  | 3 |  |  |  |  | 1(0,5) |  | 2 | 3 | 1,25 |
| 9. Sinh sản ở người(3tiết) |  | 1 |  | 1 |  |  |  |  |  | 2 | 0,5 |
| 10. Môi trường và các nhân tố sinh thái(2 tiết) |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 0,25 |
| 11. Quần thể sinh vật(2 tiết) |  | 1 |  | 1 | 1(1,25) |  |  |  |  | 2 | 1,75 |
| 12. Quần xã sinh vật(2 tiết) |  | 1 |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 | 0.5 |
| **Số câu** |  | **13** |  | **7** |  |  |  |  |  |  |  |
| **Điểm số** | **0,75** | **3,25** | **1,25** | **1,75** | **2,0** |  | **1,0** |  | **5,0** | **5,0** |  |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | | **3,0 điểm** | | **2,0 điểm** | | **1,0 điểm** | | **10 điểm** | | **10,0 điểm** |

# BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ II

# MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 8

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số ý TL/số câu hỏi TN** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TL  (Số ý) | TN  (Số câu) | TL  (Số ý) | TN  (Số câu) |
| **Chương II. Một số chất thông dụng** | | |  |  |  |  |
| **1.Tốc độ phản ứng và chất xúc tác** | **Nhận biết** | Nêu được khái niệm về tốc độ phản ứng (chỉ mức độ nhanh hay chậm của phản ứng hoá học).  Nêu được khái niệm về chất xúc tác. |  | **1** |  | **C1** |
| **Thông hiểu** | Trình bày được một số yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng và nêu được một số ứng dụng thực tế. |  |  |  |  |
|  | | |  |  |  |  |
| **2. Acid (axit)** | **Nhận biết** | – Nêu được khái niệm acid (tạo ra ion H+).  – Trình bày được một số ứng dụng của một số acid thông dụng (HCl, H2SO4, CH3COOH). |  | **1**  **1** |  | **C2,C3** |
| **Thông hiểu** | – Tiến hành được thí nghiệm của hydrochloric acid (làm đổi màu chất chỉ thị; phản ứng với kim loại), nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất của acid. | **2** | **1** | **C26,C27** | **C4** |
| **3. Base. Thang pH** | **Nhận biết** | – Nêu được khái niệm base (tạo ra ion OH–).  – Nêu được kiềm là các hydroxide tan tốt trong nước. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | – Tra được bảng tính tan để biết một hydroxide cụ thể thuộc loại kiềm hoặc base không tan.  – Tiến hành được thí nghiệm base là làm đổi màu chất chỉ thị, phản ứng với acid tạo muối, nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất của base. |  | **1** |  | **C5** |
| **Vận dụng** | - Hiểu được trung hoà acid, từ đó đưa ra cách xử lý đất bị nhiễm phèn |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | – Tiến hành được thí nghiệm oxide kim loại phản ứng với acid; oxide phi kim phản ứng với base; nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất hoá học của oxide. |  |  |  |  |
| **Chương IV. Điện** | | | | | | |
| **4. Dòng điện, nguồn điện** | **Nhận biết** | - Phát biểu được định nghĩa về dòng điện. |  |  |  |  |
| - Kể tên được một số vật liệu dẫn điện và vật liệu không dẫn điện. |  | **1** |  | **C3** |
| - Nhận biết được kí hiệu nguồn điện. |  |  |  |  |
| - Nêu được nguồn điện có khả năng cung cấp năng lượng điện. |  |  |  |  |
| - Kể tên được một số nguồn điện trong thực tế. |  | **1** |  | **C1** |
| **Thông hiểu** | - Nguồn điện 1 chiều luôn có 2 cực (âm, dương) cố định. |  | **1** |  | **C4** |
| - Nguồn điện xoay chiều đổi cực liên tục. |  |  |  |  |
| - Giải thích được nguyên nhân vật dẫn điện, vật không dẫn điện. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
| **5. Mạch điện đơn giản** | **Nhận biết** | Nhận biết kí hiệu mô tả: nguồn điện, điện trở, biến trở, chuông, ampe kế, vôn kế, cầu chì, đi ốt và đi ốt phát quang. |  | **1** |  | **C2** |
|  |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Vẽ được mạch điện theo mô tả cách mắc. |  |  |  |  |
| - Mô tả được sơ lược công dụng của cầu chì (hoặc: rơ le, cầu dao tự động, chuông điện). |  | **1** |  | **C5** |
| **Vận dụng cao** |  |  |  |  |  |
| **6. Tác dụng của dòng điện** | **Nhận biết** | - Nêu được dòng điện có tác dụng: nhiệt, phát sáng, hoá học, sinh lí. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Giải thích được tác dụng nhiệt của dòng điện. |  |  |  |  |
| - Giải thích được tác dụng phát sáng của dòng điện. |  |  |  |  |
| - Giải thích được tác dụng hóa học của dòng điện. |  |  |  |  |
| - Giải thích được tác dụng sinh lí của dòng điện. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Chỉ ra được các ví dụ trong thực tế về tác dụng của dòng điện và giải thích. | **1** |  |  | **C21** |
| **Vận dụng cao** | - Thiết kế phương án (hay giải pháp) để làm một vật dụng điện hữu ích cho bản thân (hay đưa ra biện pháp sử dụng điện an toàn và hiệu quả). | **1** |  |  | **C22** |
| **Chương VII: SINH HỌC CƠ THỂ NGƯỜI** | | | | | | |
| 7. Hệ nội tiết ở người | **Nhận biết:** | * Kể được tên các tuyến nội tiết.   –Nêu được chức năng của các tuyến nội tiết.  – Nêu được một số bệnh liên quan đến hệ nội tiết (tiểu đường, bướu cổ do thiếu iodine,...). | **1** |  | **C23** |  |
| **Thông hiểu:** | –Nêu được cách phòng chống các bệnh liên quan đến hệ nội tiết |  |  |  |  |
| **Vận dụng:** | Vận dụng được hiểu biết về các tuyến nội tiết để bảo vệ sức khoẻ bản thân và người thân trong gia đình. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao:** | –Nêu được cách phòng chống các bệnh liên quan đến hệ nội tiết |  |  |  |  |
| 8. Da và điều hoà thân nhiệt ở người | **Nhận biết:** | – Nêu được cấu tạo sơ lược của da.  – Nêu được chức năng của da.   * Nêu được khái niệm thân nhiệt.   – Nêu được vai trò và cơ chế duy trì thân nhiệt ổn định ở người.   * Nêu được vai trò của da và hệ thần kinh trong điều hoà thân nhiệt. * Nêu được một số biện pháp chống cảm lạnh, cảm nóng.   – Nêu được ý nghĩa của việc đo thân nhiệt. |  | 2 |  | **C11, C12,**  **C13** |
| **Thông hiểu:** | - Trình bày được một số bệnh về da và các biện pháp chăm sóc, bảo vệ và làm đẹp da an toàn.  Trình bày được một số phương pháp chống nóng, lạnh cho cơ thể. |  |  |  |  |
| **Vận dụng:** | – Vận dụng được hiểu biết về da để chăm sóc da, trang điểm an toàn cho da.  Thực hành được cách đo thân nhiệt. |  |  |  |  |
|  | **Vận dụng cao:** | – Tìm hiểu được các bệnh về da trong trường học hoặc trong khu dân cư.  – Tìm hiểu được một số thành tựu ghép da trong y học.  -Thực hiện được tình huống giả định cấp cứu khi cảm nóng hoặc lạnh. | **1** |  | **C25** |  |
| 9. Sinh sản ở người | **Nhận biết:** | – Nêu được chức năng của hệ sinh dục.  – Kể tên được các cơ quan sinh dục nam và nữ.  Kể tên được một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu,...).  – Nêu được ý nghĩa và các biện pháp bảo vệ sức khoẻ sinh sản vị thành niên. |  | 1 |  | **C18** |
| **Thông hiểu:** | * Trình bày được chức năng của các cơ quan sinh dục nam và nữ.   - Nêu được hiện tượng kinh nguyệt.   * Nêu được cách phòng tránh thai. * Nêu được khái niệm thụ tinh và thụ thai.   Trình bày được cách phòng chống các bệnh lây truyền qua đường sinh dục (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu,...). |  | 1 |  | **C19** |
| **Vận dụng:** | Vận dụng được hiểu biết về sinh sản để bảo vệ sức khoẻ bản thân. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao:** | Điều tra được sự hiểu biết của học sinh trong trường về sức khoẻ sinh sản vị thành niên (an toàn tình dục). |  |  |  |  |
| **Chương VIII. SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG** | | | | | | |
| 10. Môi trường và các nhân tố sinh thái | **Nhận biết:** | – Nêu được khái niệm môi trường sống của sinh vật  – Nêu được khái niệm nhân tố sinh thái. |  | **1** |  | **C14** |
| **Thông hiểu:** | – Phân biệt được 4 môi trường sống chủ yếu: môi trường trên cạn, môi trường dưới nước, môi trường trong đất và môi trường sinh vật. Lấy được ví dụ minh hoạ các môi trường sống của sinh vật.  – Trình bày được sơ lược khái niệm về giới hạn sinh thái, lấy được ví dụ minh hoạ.  – Phân biệt được nhân tố sinh thái vô sinh và nhân tố hữu sinh (bao gồm cả nhân tố con người). Lấy được ví dụ minh hoạ các nhân tố sinh thái và ảnh hưởng của nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật. |  | **1** |  | **C15** |
| **Vận dụng:** |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao:** |  |  |  |  |  |
| 11. Quần thể sinh vật | **Nhận biết:** | – Phát biểu được khái niệm quần thể sinh vật.  – Nêu được các đặc trưng cơ bản của quần thể (đặc trưng về số lượng, giới tính, lứa tuổi, phân bố). |  | 1 |  | **C16** |
| **Thông hiểu:** | – Lấy được ví dụ minh hoạ cho các đặc trưng cơ bản của quần thể (đặc trưng về số lượng, giới tính, lứa tuổi, phân bố). |  |  |  |  |
| **Vận dụng:** | – Đề xuất được một số biện pháp bảo vệ quần thể. | **1** |  | **C24** |  |
| **Vận dụng cao:** |  |  |  |  |  |
| 12. Quần xã sinh vật | **Nhận biết:** | – Phát biểu được khái niệm quần xã sinh vật.  – Nêu được một số đặc điểm cơ bản của quần xã (Đặc điểm về độ đa dạng: số lượng loài và số cá thể của mỗi loài; đặc điểm về thành phần loài: loài ưu thế, loài đặc trưng). |  | 1 |  | **C17** |
| **Thông hiểu:** | * Lấy được ví dụ minh hoạ các đặc trưng của quần xã.. |  | 1 |  | **C20** |
| **Vận dụng:** | –Đề xuất được một số biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học trong quần xã. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao:** |  |  |  |  |  |

**TRƯỜNG THCS ……………………. ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**NĂM HỌC 2023-2024**

**ĐỀ CHÍNH THỨC**

**Môn: KHTN 8**

Thời gian làm bài: 90 phút *(không kể thời gian giao đề)*

*(Học sinh làm bài trên* ***giấy làm bài kiểm tra****)*

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**I. TRẮC NGHIỆM** *(5,0 điểm* **)**

***Chọn phương án đúng nhất rồi ghi vào giấy làm bài kiểm tra theo thứ tự:* Câu 1:…Câu 20**

**Câu 1(B):** Chất làm tăng tốc độ phản ứng hóa học nhưng vẫn không bị biến đổi về mặt hóa học được gọi là

A. Chất xúc tác B. Chất tham gia C. Chất sản phẩm D. Chất trung gian

**Câu 2(B):** Điền vào chỗ trống: "Acid là những ... trong phân tử có nguyên tử ... liên kết với gốc acid. Khi tan trong nước, acid tạo ra ion ..."

A. Đơn chất, hydrogen, OH− B. Hợp chất, hydroxide, H+

C. Đơn chất, hydroxide, OH− D. Hợp chất, hydrogen, H+

**Câu 3(B):** Ứng dụng nào không phải của hydrochloric acid:

A. Sản xuất giấy, tơ sợi. B. Sản xuất chất dẻo

C. Sản xuất dược phẩm. D. Tẩy rửa kim loại.

**Câu 4(H):** Sulfuric acid đặc nóng tác dụng với đồng kim loại sinh ra khí:

A. CO2. B. SO2. C. SO3. D. H2S.

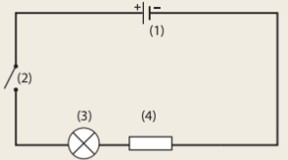
**Câu 5(H):** Dung dịch chất nào sau đây làm quỳ tím hóa xanh?

A. NaCl. B. Na2SO4. C. NaOH D. HCl.

**Câu 6(B):** Thiết bị nào sau đây là nguồn điện?

A. Quạt điện. B. Acquy. C. Bếp ga. D. Bóng đèn.

**Câu 7(B):** Thiết bị số (1) trong sơ đồ sau là gì?



A. Bóng đèn. B. Công tắc mở. C. Điện trở. D. Nguồn điện.

**Câu 8(B):** Nhóm vật liệu nào sau đây dẫn điện?

A. Nhôm, đồng, sắt. B. Chì, nhựa, sứ.

C. Thủy tinh, gỗ khô, đồng. D. Sắt, cao su, vải.

**Câu 9(H):** Nguồn điện một chiều(pin) luôn có:

A. cực Bắc và cực Nam. B. cực dương và cực âm.

C. hai cực dương. D. hai cực âm.

**Câu 10(H):** Trong mạch điện, cầu chì có công dụng:

A. đóng ngắt mạch điện. B. bảo vệ mạch điện.

C. cung cấp năng lượng điện. D. đo dòng điện.

**Câu 11.** Một làn da sạch sẽ có khả năng tiêu diệt khoảng bao nhiêu phần trăm số vi khuẩn bám trên da ?

A. 85%       B. 40% C. 99%       D. 35%

**Câu 12.** Để phòng ngừa các bệnh ngoài da, biện pháp khả thi nhất là gì ?

A. Tránh để da bị xây xát B. Luôn vệ sinh da sạch sẽ

C. Bôi kem dưỡng ẩm cho da D. Tập thể dục thường xuyên

**Câu 13.** Ở người bình thường, nhiệt độ đo được ở miệng là

A. 38oC      B. 39 oC

C. 37oC      D. 36 oC

**Câu 14**: Cơ thể sinh vật được coi là môi trường sống khi

A. chúng là nơi ở, nơi lấy thức ăn, nước uống của các sinh vật khác.

B. chúng tạo ra nơi ở cho các sinh vật khác.

C. chúng cung cấp dinh dưỡng cho các sinh vật khác.

D. chúng cung cấp nơi ở cho các sinh vật khác

**Câu 15**: TH Giới hạn sinh thái là giới hạn chịu đựng của cơ thể sinh vật đối với

A. tất cả các nhân tố sinh thái. B. nhân tố sinh thái hữu sinh.

C. nhân tố sinh thái vô sinh. D. một nhân tố sinh thái nhất định.

**Câu 16**: Phát biểu đúng về mật độ quần thể là

A. Mật độ quần thể luôn cố định.

B. Mật độ quần thể giảm mạnh do những biến động thất thường của điều kiện sống như lụt lội, cháy rừng hoặc dịch bệnh.

C. Mật độ quần thể không ảnh hưởng tới sự phát triển của quần thể.

D. Quần thể sinh vật không thể tự điều chỉnh về mức cân bằng.

**Câu 17**: Loài đặc trưng là

A. loài có số lượng ít nhất trong quần xã.

B. loài có số lượng nhiều trong quần xã.

C. loài chỉ có ở một quần xã hoặc có nhiều hơn hẳn các loài khác.

D. loài có vai trò quan trọng trong quần xã.

**Câu 18:** Ở cơ quan sinh dục nam, tinh hoàn có chức năng gì ?

A. Sản sinh tinh trùng. B. Sản sinh trứng.

C. Dẫn tinh trùng. D. Dẫn trứng

**Câu 19:** Hệ sinh dục có chức năng nào sau đây?

A. Sản sinh tinh trùng B. Sinh sản duy trì nòi giống

C. Buồng trứng. D. Điều hoà kinh nguyệt.

**Câu 20**: TH Chuột sống trong rừng mưa nhiệt đới có thể chịu ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái sau: mức độ ngập nước (1), nhiệt độ không khí (2), kiến (3), ánh sáng (4), rắn hổ mang (5), cây gỗ (6), gỗ mục (7), sâu ăn lá cây (8). Những nhân tố nào thuộc nhóm nhân tố sinh thái vô sinh?

A. (1), (2), (4), (7)     B. (1), (2), (4), (5), (6) C. (1), (2), (5), (6)     D. (3), (5), (6), (8)

**II. TỰ LUẬN** *(5,0 điểm)*

***Hoàn thành các câu hỏi và bài tập sau vào vào giấy làm bài kiểm tra***

**Câu 21:** *(0,75 điểm)* Hãy nêu ứng dụng trong thực tế của các tác dụng của dòng điện.

**Câu 22:** (0,5 điểm) Xốp có thể dùng để cắt thành các chữ cái hoặc các vật dụng để trang trí. Dựa vào tác dụng nhiệt của dòng điện, em hãy thiết kế một dụng cụ dùng để cắt xốp một.

**Câu 23:** *(0,75 điểm)* Nêu chức năng của tuyến Tụy? Khi hoạt động của tuyến Tụy bị rối loạn có thể gây ra các bệnh gì?

**Câu 24**: *(1,25 điểm)* Em hãy đè xuất một số biện pháp bảo vệ đối với các quần thể có nguy cơ tuyệt chủng?

**Câu 25:** *(0,5 điểm)* Trong trường hợp em gặp một bạn bị ngất xỉu do say nắng thì em thực hiện cấp cứu như thế nào ?

**Câu 26:** *(0,5 điểm)*Cho dung dịch Sunlfuric acid và Hydrochlric acid lần lượt tác dụng với kim loại sắt. Hãy viết các phương trình hóa học của phản ứng xảy ra.

**Câu 27:** *(0,75 điểm)*Hãy gọi tên một số acid sau:

HNO3; H2SO4; CH3COOH.

*...................................hết...................................*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TRƯỜNG THCS …………………… | **HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM** | **Duyệt TCM** |
| **TỔ: ………………………….** | **TRA GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2023-2024** |  |
|  | **Môn: KHTN 8** |  |

**I. Phần trắc nghiệm:** *5,0 điểm (mỗi câu đúng 0,25 điểm)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| **Chọn** | **A** | **D** | **A** | **B** | **C** | **B** | **D** | **A** | **B** | **B** | **A** | **B** | **C** | **A** | **D** | **B** | **C** | **A** | **D** | **A** |

**II. Phần tự luận:** *5,0 điểm*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung kiến thức** | **Điểm** |
| **21**  *(0,75điểm)* | **- Ứng dụng tác dụng nhiệt:** Bếp điện, ấm đun nước…  **- Ứng dụng tác dụng phát sáng:** Đèn LED, đèn trang trí…  **- Ứng dụng tác dụng hóa học:** Mạ điện…  **- Ứng dụng tác dụng sinh lí:** Châm cứu chữa bệnh… | 0,25  0,25  0,25  … |
| **22**  *(0,5điểm)* | - Tùy theo mỗi học sinh  (…cho dòng điện một chiều chạy qua dây thép, dây thép nóng lên, dùng dây thép cắt xốp…) | 0,25  0,25 |
| *Câu 23(0,75)* | Chức năng của tuyến tụy:  Chức năng ngoại tiết: Tiết dịch tiêu hóa đổ vào tá tràng để tiêu hóa thức ăn  Chức năng nội tiết: tiết hormone insulin và glucagon tham gia điều hòa lượng đường trong máu luôn được ổn định  Tuyến tụy là tuyến pha  Bệnh liên quan đến tuyến tụy: bệnh tiểu đường và bệnh hạ đường huyết | 0,25  0,25  0,25 |
| **Câu 24** *(1,25)* | - Nghiêm cấm săn bắt, buôn bán các loài có nguy cơ tuyệt chủng.  - Bảo tồn môi trường sống tự nhiên mà quần thể đang sống.  - Đối với những quần thể có nguy cơ tuyệt chủng ở môi trường tự nhiên, cần di chuyển quần thể đến nơi sống mới có điều kiện thuận lợi hơn như vườn thú, trang trại bảo tồn,… | 0,5  0,25  0,5 |
| **Câu 25** *(0,5)* | 1. Tùy theo mỗi học sinh (học sinh có thể nêu các biện pháp phù học có thể làm hạ nhiệt, cấp cứu cho nạn nhân. | 0,5 |
| **Câu 26**  *(0,5)* | Fe + 2HCl → FeCl2 + H2  Fe + H2SO4 → FeSO4 + H2. | *Mỗi PTHH đúng được 0,5 điểm* |
| **Câu 27**  *(0,75)* | HNO3: nitric acid  H2SO4: sulfuric acid  CH3COOH: Acetic acid | *Đọc tên mỗi acid đúng được 0,25 điểm.* |